

Số: /KH-UBND

Tân Phong, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn phường Tân Phong

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hợp nhất Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 5629/KH-UBND ngày 06/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Công văn số 6717/UBND-KTN ngày 06/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc xây dựng Kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026. Ủy ban nhân dân phường Tân Phong xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường Tân Phong, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát, xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến thời điểm cuối năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, để đánh giá kết

quả thực hiện công tác giảm nghèo năm 2026. Đồng thời rà soát, xác định, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo thời điểm cuối năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 để làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo năm 2027.

2. Yêu cầu

Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được thực hiện từ bản, tổ dân phố, trực tiếp đối với từng hộ, đảm bảo công khai, dân chủ, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị, ban, ngành đoàn thể và của người dân, theo đúng hướng dẫn của trung ương, của tỉnh, nhằm xác định đúng đối tượng, không bị trùng lặp, sót đối tượng, phản ánh đúng thực trạng đời sống của nhân dân.

II. TIÊU CHÍ, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT

1. Tiêu chí rà soát

Đối với kết quả thực hiện năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025

Thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 24/VBHN BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hợp nhất Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

Đối với chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030

Thực hiện theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

2. Đối tượng, phạm vi điều tra, rà soát

2.1. Đối tượng

- Rà soát năm 2026: Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 do Ủy ban nhân dân phường quản lý.

- Rà soát giai đoạn 2026-2030

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường tại thời điểm rà soát.

+ Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo điện thông tin theo biểu **Mẫu số 01 của Phụ lục I** gửi Tổ trưởng, Trưởng bản đề tổng hợp.

2.2. Phạm vi: Toàn bộ hộ gia đình trên địa bàn phường.

III. THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP, QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Thời gian rà soát

- Tiến hành công tác chuẩn bị đến khi kết thúc điều tra, rà soát: bắt đầu từ ngày 20/8/2026 đến hết ngày 25/11/2026.
- Các tổ dân phố, bản lập danh sách hộ gia đình cần rà soát xong trước ngày **30/8/2026**.
- Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình: Tổ trưởng các tổ dân phố, các trưởng bản và người rà soát thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình. **Từ ngày 30/8/2026 đến ngày 15/10/2026**.
- Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát: **Từ ngày 15/10 đến ngày 25/10/2026**.
- Niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát: **Từ ngày 25/10 đến ngày 01/11/2026**.
- Báo cáo kết quả rà soát sơ bộ gửi UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày **10/11/2026**.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận kết quả rà soát, xác định hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn sau khi có ý kiến thẩm định của Chủ tịch UBND tỉnh, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **20/11/2026**.

2. Phương pháp, quy trình rà soát

2.1. Đối với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025:

Phương pháp rà soát: Sử dụng phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Quy trình rà soát: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

- Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

+ Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

+ Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

+ Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị;

+ Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

2.2. Đối với chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030

Phương pháp rà soát: Sử dụng phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình.

- Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II, được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng và 280 điểm khu vực đô thị tương đương 2.800.000 đồng/người/tháng.

- Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II.

Công tác rà soát bảo đảm công khai, minh bạch trên cơ sở tổ chức họp dân để lấy ý kiến kết quả rà soát và mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện.

Quy trình rà soát: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030, cụ thể:

- Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình: Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

+ Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

+ Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

+ Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

+ Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị, trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 đã được chuyển nguồn sang năm 2026 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 để thực hiện năm 2026.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

- Tham mưu Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, yêu cầu của việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo đến người dân.

- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát; tổ chức lực lượng người thực hiện rà soát, phân loại, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức bình xét dân chủ, công khai tại cộng đồng dân cư (bản/tổ dân phố).

- Tổng hợp, tham mưu UBND phường phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường trước ngày **15/11/2026**; báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, công nhận.

- Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân phường Quyết định công nhận kết quả chính thức rà soát, xác định hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn, báo cáo về UBND tỉnh **trước ngày 20/11/2026** theo biểu mẫu đính kèm (*báo cáo kết quả sơ bộ trước ngày 01/11/2026*). Đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân phường cấp giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Thực hiện cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa chỉ: <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

- Xây dựng phương án kinh phí chi tổ chức rà soát (in ấn tài liệu, biểu mẫu, cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, tổ chức tập huấn hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hỗ trợ người rà soát, người cung cấp thông

tin, người dẫn đường), xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo đảm phù hợp, kịp thời, tiết kiệm, theo đúng quy định hiện hành.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp rà soát và tổng hợp kết quả rà soát chỉ tiêu về giáo dục, việc làm, tiếp cận thông tin và dịch vụ viễn thông của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Cử người tham gia lực lượng người thực hiện rà soát “người rà soát”.

3. Văn phòng HĐND - UBND

- Thẩm định trình UBND phường xem xét, ký các văn bản chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

- Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo tiến độ tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo báo cáo Chủ tịch UBND phường theo yêu cầu.

- Cử người tham gia lực lượng người thực hiện rà soát “người rà soát”.

4. Trung tâm dịch vụ tổng hợp

Tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, thoát nghèo tiêu chí và mức chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2026-2030 để nhân dân biết.

5. Công an phường

- Phối hợp cung cấp mã định danh, số liệu nhân hộ khẩu trên địa bàn phường đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo, các hộ gia đình (*khi có đơn yêu cầu rà soát*).

- Cử người tham gia lực lượng người thực hiện rà soát “người rà soát”.

6. Trạm Y Tế

- Phối hợp rà soát và tổng hợp kết quả rà soát chỉ tiêu về y tế (theo biểu chỉ tiêu về dinh dưỡng).

- Cử người tham gia lực lượng người thực hiện rà soát “người rà soát”.

7. Đề nghị UBNDTTQVN, các đoàn thể chính trị - xã hội phường

- Phối hợp tuyên truyền về Kế hoạch này; đồng thời tham dự và giám sát các cuộc họp dân lấy ý kiến kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 khi được mời.

- Cử người tham gia lực lượng người thực hiện rà soát “người rà soát”.

8. Các đồng chí tổ trưởng tổ dân phố, trưởng bản

- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo **Mẫu số 02 của Phụ lục I** gửi theo Kế hoạch này bao gồm:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo đang cư trú trong tổ dân phố, trong bản tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 kèm theo Kế hoạch này gửi Tổ trưởng tổ dân phố, trưởng bản.

- Tổng hợp danh sách cần rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo gửi phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tổng hợp.

- Cử người tham gia lực lượng người thực hiện rà soát “người rà soát”, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình cần rà soát tại tổ dân phố, tại bản tổng hợp số liệu rà soát theo biểu mẫu.

- Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo gửi kết quả rà soát Ủy ban nhân dân phường qua (phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường).

- Phối hợp cơ quan chuyên môn niêm yết, thông báo công khai danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại nhà văn hóa tổ dân phố, nhà văn hoá bản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

Ủy ban nhân dân phường yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, tổ trưởng các tổ dân phố, các trưởng bản triển khai thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (b/c);
- TT. Đảng ủy, HĐND phường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN và các đoàn thể CT-XH phường;
- Các cơ quan: Văn phòng HĐND - UBND; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Văn hoá - Xã hội; Công an phường; Trạm Y Tế phường;
- Tổ trưởng TDP, Trưởng bản;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nghiệp